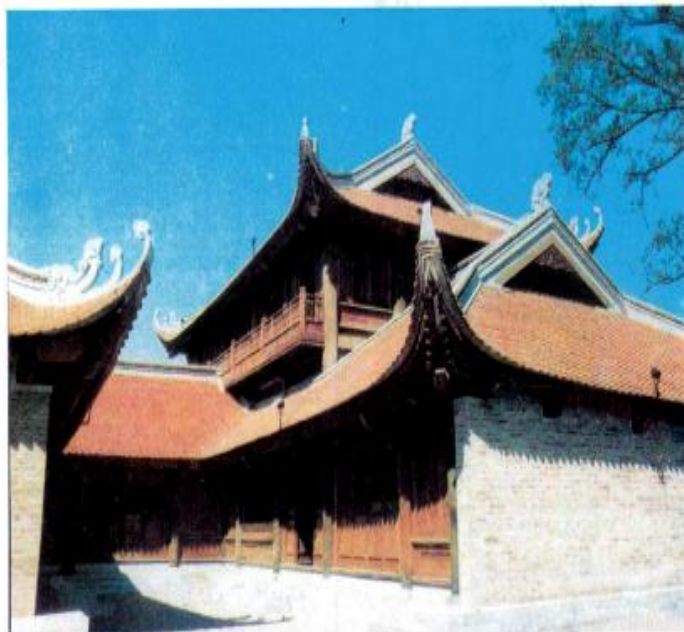


PHIẾU HỌC TẬP
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ – TUẦN 22
LỊCH SỬ: TRƯỜNG HỌC THỜI HẬU LÊ

BÀI 18

TRƯỜNG HỌC THỜI HẬU LÊ



Hình 1. Nhà Thái học trong Văn Miếu (Hà Nội)

Ở thời Lý, nhà nước lập Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám làm trường đào tạo nhân tài. Qua thời Trần, việc tổ chức dạy học và thi cử bắt đầu có quy củ. Đến thời Hậu Lê, giáo dục được phát triển và chế độ đào tạo mới thực sự được quy định chặt chẽ.

Nhà Hậu Lê cho dựng nhà Thái học, dựng lại Quốc Tử Giám. Tại đây có lớp học, có chỗ ở cho học sinh và cả kho sách. Trường không chỉ thu nhận con cháu vua và các quan mà đón nhận cả con em gia đình thường dân nếu học giỏi. Ở các địa phương, nhà nước cũng mở trường công bên cạnh các lớp học tư của các thầy đồ.



Hình 2. Bia tiến sĩ ở Văn Miếu (Hà Nội)

Nội dung học tập để thi cử là Nho giáo⁽¹⁾. Học sinh phải học thuộc lòng những điều Nho giáo dạy để trở thành người biết suy nghĩ và hành động theo đúng quy định của Nho giáo.

Cứ ba năm có một kì thi Hương⁽²⁾ ở các địa phương và thi Hội⁽³⁾ ở kinh thành. Những người đỗ kì thi Hội được dự kì thi Đình để chọn tiến sĩ. Ngoài ra, theo định kì có kiểm tra trình độ của quan lại. Nhà Hậu Lê đặt ra lễ xướng danh (lễ đọc tên người đỗ), lễ vinh quy (lễ đón rước người đỗ cao về làng) và khắc tên tuổi người đỗ cao (tiến sĩ) vào bia đá dựng ở Văn Miếu để tôn vinh những người có tài.

**Giáo dục thời Hậu Lê đã có nền nếp và quy củ.
Trường học thời Hậu Lê nhằm đào tạo những
người trung thành với chế độ phong kiến và nhân tài
cho đất nước.**

CÂU HỎI

1. Em hãy mô tả tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học ; người được đi học ; nội dung học ; nền nếp thi cử).
2. Nhà Hậu Lê đã làm gì để khuyến khích việc học tập ?

(1) *Nho giáo* (còn gọi là Khổng giáo) do Khổng Tử sáng lập, là hệ thống các quy định về chính trị, về đạo đức, về cách ứng xử trong đời sống.... nhằm duy trì, bảo vệ trật tự của xã hội phong kiến.

(2) *Thi Hương* : kì thi được tổ chức trong phạm vi một tỉnh hoặc một số tỉnh.

(3) *Thi Hội* : kì thi do triều đình tổ chức ở kinh đô cho những người đỗ cao nhất ở kì thi Hương.

Đọc bài 18 – SGK Lịch sử và Địa lí trang 49; 50 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Nhà Hậu Lê đã làm gì để phát triển giáo dục?

- A. Cho dựng nhà Thái học, dựng lại Quốc Tử Giám.
- B. Mở trường đón nhận cả con em gia đình thường dân nếu học giỏi.
- C. Mở trường công bên cạnh các lớp học tư của các thầy đồ.
- D. Cả 3 ý trên đều đúng.

2. Nội dung học tập và thi cử dưới thời Hậu Lê là gì?

- A. Nho giáo
- B. Phật giáo
- C. Thiên chúa giáo
- D. Nho giáo và Phật giáo

3. Vì sao học sinh phải học thuộc lòng những điều Nho giáo dạy?

- A. để thi đỗ các kì thi và trở thành tiến sĩ.
- B. để trở thành người biết hành động theo luật pháp nhà nước và là một nhân tài.
- C. để trở thành người biết suy nghĩ và hành động theo đúng quy định của Nho giáo.
- D. Cả 3 ý trên đều sai.

4. Các kì thi ở thời Hậu Lê là:

- A. Cứ ba năm có 1 kì thi Hội ở địa phương và thi Hương ở kinh thành.
- B. Chỉ tổ chức kiểm tra trình độ quan lại định kì.
- C. Cứ ba năm có 2 kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kinh thành.
- D. Cứ ba năm tổ chức 1 kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kinh thành.

5. Nhà Hậu Lê đã làm gì để tôn vinh người tài?

- A. đặt ra lễ xướng danh, lễ vinh quy nhưng không khắc tên lên bia đá.
- B. đặt ra lễ xướng danh, lễ vinh quy và khắc tên tuổi tất cả thí sinh lên bia đá ở Văn Miếu.
- C. đặt ra lễ xướng danh và khắc tên người đỗ cao lên bia đá.
- D. đặt ra lễ xướng danh, lễ vinh quy và khắc tên tuổi người đỗ cao vào bia đá ở Văn Miếu.

ĐỊA LÍ: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

Các dân tộc sống ở đồng bằng Nam Bộ chủ yếu là Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa. Người dân thường lập ấp, làm nhà ở ven sông, ngòi, kênh, rạch.

Lễ hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, lễ cúng Trăng,... là những lễ hội nổi tiếng của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số dân tộc và những lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Nam Bộ.
2. Nhà ở của người dân Nam Bộ có đặc điểm gì ?
3. Phương tiện đi lại phổ biến của người dân ở đồng bằng sông Cửu Long là gì ? Vì sao ?

BÀI 19

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

1. Vừa lúa, vừa trái cây lớn nhất cả nước

Nhờ có đất màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, người dân cần cù lao động nên đồng bằng Nam Bộ đã trở thành vừa lúa, vừa trái cây lớn nhất cả nước. Lúa gạo, trái cây của đồng bằng đã cung cấp cho nhiều nơi trong nước và xuất khẩu. Phần lớn gạo xuất khẩu của nước ta là do đồng bằng Nam Bộ cung cấp.

– Quan sát các hình dưới đây, kể tên theo thứ tự các công việc trong thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng Nam Bộ.



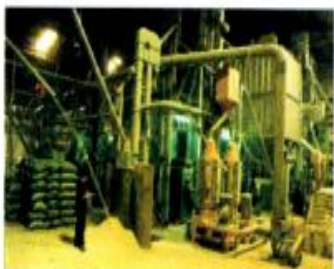
a) Gặt lúa



b) Tuốt lúa



c) Phơi thóc



d) Xay xát gạo và đóng bao



e) Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu

Hình 1. Quy trình thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu

– Quan sát hình dưới đây, kết hợp với vốn hiểu biết của mình, em hãy kể tên các trái cây ở đồng bằng Nam Bộ.



Hình 2. Một số trái cây ở đồng bằng Nam Bộ

2. Nơi nuôi và đánh bắt nhiều thủy sản nhất cả nước



Hình 3. Bè nuôi cá trên sông Hậu

Vùng biển có nhiều cá, tôm và các hải sản khác, mạng lưới sông ngòi dày đặc là điều kiện thuận lợi cho việc nuôi và đánh bắt thủy sản ở đồng bằng Nam Bộ. Đây là vùng có sản lượng thủy sản lớn nhất cả nước. Thủy sản của đồng bằng được tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và trên thế giới. Nhiều gia đình đã giàu lên từ nuôi và đánh bắt cá, tôm.

Nhờ có thiên nhiên ưu đãi, người dân cần cù lao động, đồng bằng Nam Bộ đã trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây, thủy sản lớn nhất cả nước. Các sản phẩm đó được đưa đi tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và xuất khẩu.

CÂU HỎI

- Em hãy nêu những thuận lợi để đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước.
- Nêu những ví dụ cho thấy đồng bằng Nam Bộ là nơi sản xuất lúa gạo, trái cây, thủy sản lớn nhất nước ta.

Độc bài 19 – SGK Lịch sử và Địa lí trang 121; 122; 123 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Đồng bằng Nam Bộ là vừa lúa, vừa trái cây lớn thứ mấy của nước ta?

- A. Thứ nhất
- B. Thứ hai
- C. Thứ ba
- D. Thứ tư

2. Những điều kiện thuận lợi nào đã giúp đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây lớn nhất cả nước?

- A. Nhờ các thần linh phù hộ cho được mùa.
- B. Có nhiều dân tộc sinh sống.
- C. Nhờ thiên nhiên ưu đãi, người dân cần cù lao động.
- D. Nhờ khí hậu thoáng mát.

3. Quy trình thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu là:

- A. Gặt lúa → Tuốt lúa → Phơi thóc → Xay sát gạo và đóng bao → Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu.
- B. Tuốt lúa → Gặt lúa → Phơi thóc → Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu.
- C. Gặt lúa → Phơi thóc → Tuốt lúa → Xay sát gạo và đóng bao → Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu.
- D. Gặt lúa → Phơi thóc → Xay sát gạo và đóng bao → Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu.

4. Điều kiện thuận lợi cho việc nuôi và đánh bắt thủy sản ở đồng bằng Nam Bộ là:

- A. Mạng lưới sông ngòi thưa thớt với nhiều tôm cá.
- B. Vùng biển rộng lớn, nhiều cá, tôm nhưng ít các loại hải sản khác.
- C. Mạng lưới sông ngòi chằng chịt với nhiều tôm cá, hải sản khác.
- D. Dân cư tập trung ven biển đông đúc.

5. Đồng bằng Nam Bộ là vùng có lượng thủy sản lớn thứ mấy nước ta?

- A. Thứ tư
- B. Thứ ba
- C. Thứ hai
- D. Thứ nhất